

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 168 / 2022/CV-JVC

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

(V/v: CBTT BCTC Quý I.2022 và Giải trình  
biến động LNST)

**Kính gửi:**

- **UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Minh Chung**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu : ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố (\*):

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính Quý I.2022 như sau:

1. Báo cáo tài chính Quý I năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 30/06/2022) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:

[http://ytevietnhat.com.vn/bao-cai-tai-chinh\\_t370c37tn.aspx](http://ytevietnhat.com.vn/bao-cai-tai-chinh_t370c37tn.aspx)

2. Giải trình Báo cáo tài chính Quý I năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 30/06/2022) do kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại BCTC Quý I.2022 so với BCTC Quý I.2021 có sự biến động hơn 10%, cụ thể như sau:

**a. Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 30/06/2022):**

| STT | Chỉ tiêu                                      | BCTC Quý I.2022 | BCTC Quý I.2021 | Chênh lệch      | Tỷ lệ   |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------|
| 1   | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 100.545.814.365 | 97.840.390.603  | 2.705.423.762   | 2,77%   |
| 2   | Giá vốn hàng bán                              | 77.395.245.855  | 85.425.997.433  | (8.030.751.578) | (9,40%) |
| 3   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23.150.568.510  | 12.414.393.170  | 10.736.175.340  | 86,48%  |
| 4   | Doanh thu hoạt động tài chính                 | 8.605.294.505   | 1.997.949.781   | 6.607.344.724   | 330,71% |
| 5   | Chi phí tài chính                             | 2.312.719.889   | 1.240.913.337   | 1.071.806.552   | 86,37%  |
| 6   | Chi phí bán hàng                              | 13.292.331.830  | 6.213.083.141   | 7.079.248.689   | 113,94% |



|    |                                         |                |               |               |         |
|----|-----------------------------------------|----------------|---------------|---------------|---------|
| 7  | Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 12.231.780.760 | 6.212.687.556 | 6.019.093.204 | 96,88%  |
| 8  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 3.919.030.536  | 745.658.917   | 3.173.371.619 | 425,58% |
| 9  | Thu nhập khác                           | 1.370.139.405  | 1.046.270.362 | 323.869.043   | 30,95%  |
| 10 | Chi phí khác                            | 278.769.977    | 205.904.443   | 72.865.534    | 35,39%  |
| 11 | Lợi nhuận khác                          | 1.091.369.428  | 840.365.919   | 251.003.509   | 29,87%  |
| 12 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế       | 5.010.399.964  | 1.586.024.836 | 3.424.375.128 | 215,91% |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế TNDN                 | 5.010.399.964  | 1.586.024.836 | 3.424.375.128 | 215,91% |

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính Quý I.2022 so với giá trị tại Báo cáo tài chính Quý I.2021 có sự chênh lệch vượt quá 10%, công ty xin được giải trình như sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 86,48% do giá vốn hàng bán giảm 9,40% và doanh thu thuần tăng 2,77%. Nhiều dự án liên kết của công ty đã hết hạn hợp đồng, khấu hao tài sản của các dự án này đã ghi nhận hết dẫn đến giá vốn giảm tương ứng. Bên cạnh đó doanh thu của các lĩnh vực kinh doanh khác tăng mạnh không những đủ bù đắp doanh thu lĩnh vực liên kết và còn vượt 2,77% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính tăng tương ứng 330,71% và 86,37% do Ban lãnh đạo linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn.
- Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng 113,94% và 96,88%. JVC tái khởi động phát triển hoạt động kinh doanh sau một thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid nên dẫn đến các chi phí liên quan tăng theo.
- Thu nhập khác tăng 30,95% và chi phí khác tăng 35,39% do trong kỳ diễn ra hoạt động thanh lý tài sản và thu nhập từ hàng tặng của hãng.
- Từ những biến động trên, Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 86,46%, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 425,58% và Lợi nhuận khác tăng 29,87% nên Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 215,91%.

**b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 30/06/2022)**

| STT | Chỉ tiêu                                      | BCTC Quý I.2022 | BCTC Quý I.2021 | Chênh lệch      | Tỷ lệ   |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------|
| 1   | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 101.553.641.277 | 97.823.625.023  | 3.730.016.254   | 3,81%   |
| 2   | Giá vốn hàng bán                              | 78.772.580.655  | 87.117.413.060  | (8.344.832.405) | (9,58%) |
| 3   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22.781.060.622  | 10.706.211.963  | 12.074.848.659  | 112,78% |
| 4   | Doanh thu hoạt động tài chính                 | 8.605.581.772   | 1.998.060.064   | 6.607.521.708   | 330,70% |
| 5   | Chi phí tài chính                             | 2.312.719.889   | 1.240.913.337   | 1.071.806.552   | 86,37%  |



|    |                                         |                |                 |               |          |
|----|-----------------------------------------|----------------|-----------------|---------------|----------|
| 6  | Chi phí bán hàng                        | 14.265.036.480 | 6.369.317.002   | 7.895.719.478 | 123,96%  |
| 7  | Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 12.836.331.323 | 6.283.100.984   | 6.553.230.339 | 104,30%  |
| 8  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 1.972.554.702  | (1.189.059.296) | 3.161.613.998 | 265,89%  |
| 9  | Thu nhập khác                           | 1.370.140.405  | 1.047.270.554   | 322.869.851   | 30,83%   |
| 10 | Chi phí khác                            | 278.769.977    | 205.906.224     | 72.863.753    | 35,39%   |
| 11 | Lợi nhuận khác                          | 1.091.370.428  | 841.364.330     | 250.006.098   | 29,71%   |
| 12 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế       | 3.063.925.130  | (347.694.966)   | 3.411.620.096 | 981,21%  |
| 13 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại              | 4.796.735      | 16.127.974      | (11.331.239)  | (70,26%) |
| 14 | Lợi nhuận sau thuế TNDN                 | 3.059.128.395  | (363.822.940)   | 3.422.951.335 | 940,83%  |

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý I.2022 so với giá trị tại Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý I.2021 có sự chênh lệch vượt quá 10%, công ty xin được giải trình như sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 112,78% do giá vốn hàng bán giảm 9,58% và doanh thu thuần tăng 3,81%. Nhiều dự án liên kết của công ty mẹ và công ty con đã hết hạn hợp đồng, khấu hao tài sản của các dự án này đã ghi nhận hết dẫn đến giá vốn giảm tương ứng. Bên cạnh đó doanh thu của các lĩnh vực kinh doanh khác tăng mạnh không những đủ bù đắp doanh thu lĩnh vực liên kết và còn vượt 3,81% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính tăng tương ứng 330,70% và 86,37% do Ban lãnh đạo linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn.

- Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng 123,96% và 104,30%. Công ty mẹ và các công ty con tái khởi động phát triển hoạt động kinh doanh sau một thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid nên dẫn đến các chi phí liên quan tăng theo.

- Thu nhập khác tăng 30,83% và chi phí khác tăng 35,39% do trong kỳ diễn ra hoạt động thanh lý tài sản và thu nhập từ hàng tặng của hãng.

- Từ những biến động trên, Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 112,78%, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 265,89% và Lợi nhuận khác tăng 29,71% nên Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 981,21%. Chi phí thuế TNDN hoãn lại giảm 70,26% khiến lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 940,83%.

### 3. Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất chuyển từ lỗ tại BCTC Quý IV.2021 sang lãi tại BCTC Quý I.2022

Tại Báo cáo tài chính Quý I.2022, với sự phát triển đột phá trong kinh doanh của công ty mẹ các chỉ tiêu doanh thu đều tăng mạnh so với Báo cáo tài chính Quý IV/2021: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 14,85%, doanh thu hoạt động tài chính tăng 217,54%; Bên cạnh đó chi phí

bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhẹ khiến Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 213,78% tương ứng 5,7 tỷ đồng. Báo cáo tài chính Quý IV.2021 chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận là -2.7 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất chuyển từ lỗ tại Báo cáo tái chính quý IV.2021 sang lãi tại Báo cáo tài chính Quý I.2022.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VP.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**LÊ MINH CHUNG**

